

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 136/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1982. HKTT: Ấp T1, xã H, thị xã T2, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tú T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Phòng 16, nhà trọ B, đường X, khu phố B1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 24/3/2023, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn (ông S) trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân:

Ông S và bà T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, tuy nhiên không có làm đám cưới, không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên hai bên đã không còn sống chung với nhau, bà T cũng đã sống chung với người khác. Thấy rằng mục đích hôn nhân không đạt được, hạnh phúc và tình cảm vợ chồng không còn nên ông S làm đơn xin ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn C, sinh ngày 04/3/2006 và Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 27/11/2007. Ông S yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, ông S yêu cầu giải quyết theo yêu cầu của con, con theo ai người đó nuôi, không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

** Theo bản tự khai và yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 17/4/2023, bị đơn (bà T) trình bày:*

Bà T thống nhất với ông S về quá trình tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, tuy nhiên không có làm đám cưới, không có đăng ký kết hôn.

Trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông S thì bà T đồng ý vì hai vợ chồng không hợp nhau, không thể sống chung với nhau được nữa.

Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với ông S về việc không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết đối với tài sản chung, nợ chung.

Ngoài ra bị đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông S và bà T, ghi nhận sự tự nguyện của đương sự giao hai con chung cho bà T nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn S khởi kiện bà Nguyễn Thị Tú T về việc ly hôn. Bà T có nơi cư trú tại khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà T thừa nhận chung sống với nhau từ năm 2005 việc chung sống tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Ông S xác định giữa ông S và bà T xảy ra nhiều mâu thuẫn trong quá trình chung sống, không thể tự giải quyết được nên làm đơn yêu cầu ly hôn với bà T. Bà T có ý kiến đồng ý ly hôn với ông S. Việc ông S và bà T tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền đã vi phạm vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận ông S và bà T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông S và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Văn C, sinh ngày 04/3/2006 và Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 27/11/2007. Ông S có ý kiến thuận theo ý kiến của con, con theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng. Bà T cũng có nguyện vọng được nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng. Theo bản tự khai của cháu C và cháu V thì hai cháu đều có nguyện vọng được sinh sống với bà T nếu cha mẹ ly hôn với nhau. Như vậy, hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao cháu C và cháu V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đã tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S đối với bà Nguyễn Thị Tú T về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn S đối với bà Nguyễn Thị Tú T.

1.2. Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Tú T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Văn C, sinh ngày 04/3/2006 và Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 27/11/2007. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đã tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn S chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông S đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0011505 ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/4/2023).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

PhạmNgọcTuyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Hữu Bình Nguyễn Thị Thu Thu

Phạm Ngọc Tuyên

